

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2020*

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA**

Vào hồi 09 giờ 00 ngày 28 tháng 04 năm 2020 tại Văn phòng trụ sở công ty tại số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội; Công ty Cổ phần Dược Khoa tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (*sau đây gọi là Đại Hội*).

**A. KHAI MẠC, THÀNH PHẦN THAM DỰ**

**I. Khai mạc Đại hội**

Bà Nguyễn Thị Bích Thùy thay mặt Ban tổ chức giới thiệu thành phần tham dự gồm: Hội đồng quản trị, các cổ đông là tổ chức và cá nhân của Công ty Cổ phần Dược Khoa cùng Người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và tuyên bố khai mạc Đại hội.

**II. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội**

Ông Nguyễn Thế Cường - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Kết quả tổng hợp lúc 9 giờ 00

- Tổng số cổ phần phổ thông của Công ty: 3.003.910 cổ phần
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 2.948.910 cổ phần
- Tổng số cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội: 61 cổ đông
- Tổng số cổ đông không đủ tư cách tham dự Đại hội: 0 cổ đông
- Tổng số cổ đông tham dự và uỷ quyền tham dự Đại hội: 17 cổ đông đại diện cho 2.871.630 cổ phần có quyền biểu quyết; tương ứng 97,38% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Dược Khoa. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức ngày 28/04/2020 Công ty Cổ phần Dược Khoa được triệu tập là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

**B. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI**

**I. Biểu quyết thông qua “Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020”**

Bà Nguyễn Thị Bích Thùy, thay mặt Ban tổ chức Đại hội trình bày “Dự thảo Quy chế tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020”.

Đại hội đã biểu quyết với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhất trí thông qua.

## **II. Biểu quyết thông qua “Chương trình Đại hội”**

Bà Nguyễn Thị Bích Thùy – Thay mặt Ban tổ chức Đại hội trình bày “Chương trình Đại hội”.

Đại hội đã biểu quyết với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhất trí thông qua.

## **III. Giới thiệu Chủ tọa Đại hội**

Bà Nguyễn Thị Bích Thùy - Thay mặt Ban tổ chức Đại hội giới thiệu Ông Nguyễn Trường Giang, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty, Trưởng Ban tổ chức làm chủ tọa Điều hành Đại hội.

## **IV. Cử Ban thư ký**

### **1. Chủ tọa cử Ban thư ký, thành phần Ban thư ký gồm:**

- Bà Lương Hoài Phương Chức vụ: Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Bích Thùy Chức vụ: Thành viên

### **2. Cử Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu**

Chủ tọa cử Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu biểu quyết, thành phần Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu biểu quyết gồm:

- Bà Nguyễn Thị Minh Phương Chức vụ: Trưởng ban
- Bà Vũ An Phượng Chức vụ: Thành viên

## **V. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, Kế hoạch sản xuất kinh doanh chung năm 2020-2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết năm 2020**

### **1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019**

Ông Nguyễn Trường Giang - Tổng Giám đốc Công ty báo cáo hoạt động tài chính, sản xuất – kinh doanh năm 2019 với những nội dung chính như sau:

a) Các chỉ tiêu theo bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ (gián tiếp) năm 2019:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3,954,227,863
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5,332,174,979
- Các khoản dự phòng	03	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3,292,320)

- Chi phí lãi vay	06	5,424,536,073
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(670,219,624)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>14,037,426,971</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2,814,509,545)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4,335,674,220
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4,444,567,574
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(466,004,946)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5,424,536,073)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,329,369,590)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>12,783,248,611</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17,628,755,776)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	958,604
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(17,627,797,172)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(81,600,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	14,714,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8,547,830,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>6,084,570,000</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</i>	<i>50</i>	<i>1,240,021,439</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>	<i>817,263,735</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</i>	<i>70</i>	<i>2,057,285,174</i>

**b) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh 2019**

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ
1	2	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	79,895,494,659	66,819,242,966	119.57%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	201,696,008	2,148,555	9387.52%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	79,693,798,651	66,817,094,411	119.27%

4. Giá vốn hàng bán	11	55,387,565,299	46,742,973,311	118.49%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	24,306,233,352	20,074,121,100	121.08%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,131,966	22,916,832	9.30%
7. Chi phí tài chính	22	5,429,960,359	4,602,615,671	117.98%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	1,726,180,270	1,601,194,593	107.81%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12,965,816,684	11,034,136,419	117.51%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30	4,186,408,005	2,859,091,249	146.42%
11. Thu nhập khác	31		4,416,433	0.00%
12. Chi phí khác	32	232,180,142	114,147,341	203.40%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(232,180,142)	(109,730,908)	211.59%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	3,954,227,863	2,749,360,341	143.82%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,354,580,443	647,750,870	209.12%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	2,599,647,420	2,101,609,471	123.70%

## 2. Kế hoạch sản xuất – Kinh doanh năm 2020-2022

### a) Đánh giá tình hình năm 2020-2022

Năm 2020, xảy ra dịch covid-19 toàn cầu, Công ty không đạt mục tiêu tăng trưởng, chỉ đạt mục tiêu ổn định sản xuất.

Trong giai đoạn 2021-2022, Công ty đẩy mạnh các hạng mục xây lắp, đầu tư TSCĐ với dự kiến như sau:

- Đầu tư xây dựng xưởng Mỹ phẩm đạt tiêu chuẩn GMP (yêu cầu bắt buộc để sản xuất mỹ phẩm theo tiêu chuẩn Bộ Y tế), dự kiến mức đầu tư 10 tỷ đồng.

- Đầu tư mở rộng kho xưởng, mua sắm trang thiết bị sản xuất, phòng Kiểm tra chất lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất, dự kiến mức đầu tư 20 tỷ đồng.

- Đầu tư nâng cấp xưởng GMP-WHO thuốc nhỏ mắt-mũi lên tiêu chuẩn GMP/PICs theo lộ trình bắt buộc của Bộ Y tế, dự kiến mức đầu tư 5 tỷ đồng.

### b) Các chỉ số cho kế hoạch 2020 – 2022

Bảng báo cáo KQSXKD dự tính cho 3 năm:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	4	5	6	7

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	79,895,494,659	80,000,000,000	92,000,000,000	105,800,000,000
_ Doanh thu thành phẩm	68,821,355,932	80,000,000,000	92,000,000,000	105,800,000,000
_ Doanh thu nguyên liệu	5,040,000,000	-	-	-
_ Doanh thu dịch vụ	5,708,785,091	-	-	-
_ Doanh thu hàng hóa	196,912,000	-	-	-
_ Doanh thu khác	128,441,636	-	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	201,696,008			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	79,693,798,651	80,000,000,000	92,000,000,000	105,800,000,000
4. Giá vốn hàng bán	55,387,565,299	58,946,460,693	67,463,603,550	78,276,174,979
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	24,306,233,352	21,053,539,307	24,536,396,450	27,523,825,021
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2,131,966			
7. Chi phí tài chính	5,429,960,359	5,209,963,781	4,902,253,851	5,349,960,429
- Trong đó: Chi phí lãi vay				
8. Chi phí bán hàng	1,726,180,270	1,750,000,000	2,012,500,000	2,314,375,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,965,816,684	10,000,000,000	11,200,000,000	12,580,000,000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	4,186,408,005	4,093,575,525	6,421,642,599	7,279,489,592
11. Thu nhập khác				
12. Chi phí khác	232,180,142			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(232,180,142)			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	3,954,227,863	4,093,575,525	6,421,642,599	7,279,489,592
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,354,580,443	818,715,105	1,284,328,520	1,455,897,918
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	2,599,647,420	3,274,860,420	5,137,314,079	5,823,591,674
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)				

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp rút gọn 3 năm 2020 – 2022:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tổng 3 năm 2020-2022
1	4	5	6	7	8
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					

<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>3,954,227,863</b>	<b>4,093,575,525</b>	<b>6,421,642,599</b>	<b>7,279,489,592</b>	<b>17,794,707,716</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>					
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	5,332,174,979	6,046,460,693	6,403,603,550	7,832,174,979	20,282,239,223
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(3,292,320)				
- Chi phí lãi vay	5,424,536,073	5,209,963,781	4,902,253,851	5,349,960,429	15,462,178,061
- Các khoản điều chỉnh khác	(670,219,624)				
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>14,037,426,971</b>	<b>15,350,000,000</b>	<b>17,727,500,000</b>	<b>20,461,625,000</b>	<b>53,539,125,000</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(2,814,509,545)				
- Tăng, giảm hàng tồn kho	4,335,674,220				
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	4,444,567,574				
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(466,004,946)				
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh					
- Tiền lãi vay đã trả	(5,424,536,073)	(5,209,963,781)	(4,902,253,851)	(5,349,960,429)	(15,462,178,061)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1,329,369,590)	(1,354,580,443)	(818,715,105)	(1,284,328,520)	(3,457,624,068)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12,783,248,611</b>	<b>8,785,455,776</b>	<b>12,006,531,044</b>	<b>13,827,336,052</b>	<b>34,619,322,871</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(17,628,755,776)	(10,000,000,000)	(5,000,000,000)	(20,000,000,000)	(35,000,000,000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	958,604				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(17,627,797,172)</b>	<b>(10,000,000,000)</b>	<b>(5,000,000,000)</b>	<b>(20,000,000,000)</b>	<b>(35,000,000,000)</b>

<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		10,000,000,000			10,000,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	(81,600,000)				
3. Tiền thu từ đi vay	14,714,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000	15,000,000,000	25,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	(8,547,830,000)	(9,000,000,000)	(10,500,000,000)	(12,500,000,000)	(32,000,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3,003,910,000)			(3,003,910,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>6,084,570,000</i>	<i>2,996,090,000</i>	<i>(5,500,000,000)</i>	<i>2,500,000,000</i>	<i>(3,910,000)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>1,240,021,439</b>	<b>1,781,545,776</b>	<b>1,506,531,044</b>	<b>(3,672,663,948)</b>	<b>(384,587,129)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>817,263,735</b>	<b>2,057,285,174</b>	<b>3,838,830,950</b>	<b>5,345,361,993</b>	<b>2,057,285,174</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>2,057,285,174</b>	<b>3,838,830,950</b>	<b>5,345,361,993</b>	<b>1,672,698,045</b>	<b>1,672,698,045</b>

### 3. Kế hoạch SXKD 2020

#### a) Hoạt động chung

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và các quy chế hoạt động của HĐQT, BKS.
- Tăng vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp khoảng 10 tỷ đồng để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.
- Hoàn thiện các quy chế về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, đánh giá và trả lương CBCNV.
- Bước đầu xây dựng các tiêu chí chủ chốt của văn hóa doanh nghiệp.

#### b) Hoạt động sản xuất - chất lượng

- Hoàn thiện các quy trình, quy định của các hệ thống chất lượng đang áp dụng tại doanh nghiệp: ISO, GMP.
- Rà soát, đánh giá hiệu quả của máy móc trang thiết bị, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất và yêu cầu chất lượng ngày càng

cao. Tổng giá trị đầu tư cho việc sửa chữa, nâng cấp, mua sắm TSCĐ trong năm khoảng 10 tỷ đồng.

c) Hoạt động tài chính - kế toán

Đánh giá hiệu quả của đầu tư tài chính trong việc nâng cấp điều kiện sản xuất theo yêu cầu của Bộ Y tế. Thực hiện các quy trình làm việc giữa các đơn vị một cách chặt chẽ, đảm bảo không tăng giá trị công nợ, hàng tồn kho trong bối cảnh nguồn vốn công ty rất hạn hẹp.

d) Hoạt động dự án

Bắt đầu từ năm 2020, không tham gia các dự án tư vấn OCOP, tư vấn quản trị doanh nghiệp hoặc các đề tài NCKH mới do hiệu quả các năm đã thực hiện không tốt. Chỉ thực hiện tiếp các hợp đồng cũ đã ký và thanh lý khi đủ điều kiện.

#### **4. Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua**

a. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

Tỷ lệ tán thành 93,7 %; Tỷ lệ không tán thành 6,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh chung từ 2020-2022 và kế hoạch chi tiết năm 2020:

Tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

### **VI. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2020**

#### **1. Các nội dung chính**

a) Báo cáo hoạt động 2019

- Thực hiện các cuộc họp HĐQT
- Hoàn thiện tổ chức của Công ty;
- Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh;
- Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS

b) Kế hoạch 2020

- Bổ sung thành viên HĐQT
- Thực hiện tăng vốn điều lệ
- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

#### **2. Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua**

a) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2019: Tỷ lệ tán thành 93,7%, tỷ lệ không tán thành 6,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;



b) Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019: Tỷ lệ tán thành 93,7%, tỷ lệ không tán thành 6,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

c) Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2020: Tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

## **VII. Thông qua tờ trình quyết toán quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và đề xuất quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2020**

### **1. Quỹ thù lao năm 2019**

- Thù lao Hội đồng quản trị: 204.000.000 đồng

- Thù lao Ban kiểm soát: 48.000.000 đồng

Đại hội đã biểu quyết với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhất trí thông qua.

### **2. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020**

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 VNĐ/người/tháng (Năm triệu đồng)

- Thành viên HĐQT: 3.000.000 VNĐ/người/tháng (Ba triệu đồng)

- Trưởng Ban kiểm soát: 2.000.000 VNĐ/người/tháng (Hai triệu đồng)

- Thành viên Ban kiểm soát: 1.000.000 VNĐ/người/tháng (Một triệu đồng)

Thù lao của HĐQT, BKS được chi trả bằng 80% vào các kỳ trả lương hàng tháng trong năm và số còn lại được quyết toán theo kết quả hoàn thành Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm của Công ty.

Đại hội đã biểu quyết với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhất trí thông qua.

## **VIII. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Trường Giang, Chủ tọa cuộc họp đọc tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Ông Hà Đăng Thành, đại diện cổ đông Công ty cổ phần Thương mại Dược Khoa, là Cổ đông nắm giữ trên 10% vốn điều lệ đề cử Bà Trương Thanh Nhân - Kế toán Trưởng Công ty ứng cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị.

### **1. Đại hội thông qua Danh sách ứng cử thành viên HĐQT**

01 người là Bà Trương Thanh Nhân

### **2. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị**

Bà Nguyễn Thị Minh Phương – Trưởng ban bầu cử kiêm ban kiểm phiếu đọc lý lịch trích ngang ứng viên, đọc Quy chế bầu cử và hướng dẫn bầu cử.

a) Kết quả kiểm phiếu

- Số phiếu phát ra: 2.871.630	lá phiếu tương ứng	2.871.630	Phiếu bầu
- Số phiếu thu về: 2.862.010	lá phiếu tương ứng	2.862.010	Phiếu bầu

- Số phiếu hợp lệ: 2.835.530 lá phiếu tương ứng 2.835.530 Phiếu bầu
- Số phiếu không hợp lệ: 26.480 lá phiếu tương ứng 26.480 Phiếu bầu

b) Kết quả bầu cử

TT	Danh sách ứng viên	Số lượng phiếu bầu từ cao xuống thấp	Tỷ lệ
1	Trương Thanh Nhân	2.654.720	92,75 %
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.654.720</b>	<b>92,75 %</b>

- Bà Trương Thanh Nhân đạt tỷ lệ trúng cử.

**IX. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019 và định hướng năm 2020**

Bà Lương Hoài Phương, Trưởng Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và định hướng năm 2020.

Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua với tỷ lệ tán thành 93,7%, tỷ lệ không tán thành 6,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**X. Thông qua tờ trình phương án tăng vốn Điều lệ từ 30,0391 tỷ lên 39,8745 tỷ đồng**

Ông Nguyễn Trường Giang, Chủ tịch HĐQT đọc Tờ trình và giới thiệu phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ Công ty lên 39,8745 tỷ đồng dưới hình thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và ESOP, cụ thể như sau:

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 983.630 cổ phần.
2. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 9.836.300.000 đồng.
3. Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và ESOP.

a) Phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu:

- Tỷ lệ phát hành: 10:3
- Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/ cổ phần.
- Tổng số cổ phần dự kiến phát hành: 843.630 cổ phần

b) Phương án phát hành ESOP:

- Giá chào bán dự kiến: 10.500 đồng/ cổ phần.
- Tổng số cổ phần dự kiến phát hành: 140.000 cổ phần

(Phương án chi tiết kèm theo).

Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua với tỷ lệ tán thành 93,7%, tỷ lệ không tán thành 6,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**XI. Thông qua tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019**

Ông Nguyễn Trường Giang, Chủ tịch HĐQT trình bày Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Năm 2019
1.	Vốn điều lệ	Đồng	30.039.100.000
2.	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	3.954.227.863
3.	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.599.647.420
4.	Trích lập các quỹ	Đồng	0
5.	Lợi nhuận còn lại các năm trước	Đồng	1.608.130.673
6.	Chi trả cổ tức năm 2019	Đồng	2.984.910.000
7.	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Đồng	1.222.868.093

Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 với tỷ lệ tán thành 93,7%, tỷ lệ không có ý kiến 6,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

#### **XII. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2020**

Ông Nguyễn Trường Giang, Chủ tịch HĐQT đọc Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2020.

Đại hội đã thông qua việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

#### **XIII. Nội dung khác phát sinh ngoài chương trình Đại hội đã được thông qua:**

Bà Lương Hoài Phương, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty bổ sung đề xuất đưa vào hạch toán khoản nợ đối với nhà nước theo quy định và đề nghị của Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

#### **XIV. Thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội**

Bà Lương Hoài Phương thay mặt Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua Biên bản với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với tỷ lệ tán thành 93,7%, tỷ lệ không có ý kiến 6,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

## **XV. BẾ MẠC ĐẠI HỘI**

Ông Nguyễn Trường Giang, Chủ tọa phát biểu bế mạc Đại hội.

Biên bản được lập vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 28 tháng 04 năm 2020 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Dược Khoa kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản này gồm 12 trang đã được đọc lại trước toàn thể ĐHĐCĐ và đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội. Nghị quyết, các báo cáo và các tờ trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Dược Khoa là một phần không tách rời của Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Biên bản có giá trị thi hành ngay sau khi kết thúc cuộc họp.

Toàn thể cổ đông của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám đốc và các tổ chức trực thuộc Công ty Cổ phần Dược Khoa chịu trách nhiệm thi hành.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Dược Khoa kết thúc vào lúc 11h45 phút cùng ngày./.

**TM. BAN THƯ KÝ  
TRƯỞNG BAN**



**Lương Hoài Phương**

**CHỦ TỌA**



**Nguyễn Trường Giang**